

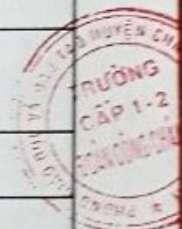
Mã ĐVSĐNS : 1129802

DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị : Trường Cấp 1-2 Đoàn Công Chính

(Kèm theo Quyết định số: 709/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

ST	TM	Nội dung chi	Nguồn 13	Nguồn 12	Tổng số	Ghi chú
1	6001	Tiền lương biên chế	5.360.688.000		5.360.688.000	
2	6003	Tiền lương hợp đồng	17.901.000		17.901.000	
3	6101	Phụ cấp chức vụ	72.360.000		72.360.000	
4	6112	Phụ cấp đứng lớp	1.760.199.552		1.760.199.552	
5	6113	Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp hướng dẫn tập sự	30.240.000		30.240.000	
6	6115	Phụ cấp vượt khung	28.063.000		28.063.000	
7	6115	Phụ cấp thâm niên	1.159.339.429		1.159.339.429	
8	6301	Bảo hiểm xã hội	1.140.422.505		1.140.422.505	
9	6302	Bảo hiểm y tế	195.501.000		195.501.000	
10	6303	Kinh phí công đoàn	130.334.000		130.334.000	
11	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	65.167.000		65.167.000	
12	6501	Tiền điện	28.000.000		28.000.000	
13	6502	Tiền nước	5.000.000		5.000.000	
14	6504	Tiền phí vệ sinh môi trường	6.000.000		6.000.000	
15	6551	Văn phòng phẩm văn phòng	13.000.000		13.000.000	
16	6552	Mua sắm tủ, bàn ghế, công cụ văn phòng...	15.000.000	96.800.000	111.800.000	
17	6599	Bảng hiệu; trang trí; băng gol; cờ....	15.000.000		15.000.000	
18	6601	Cước phí điện thoại	500.000		500.000	
19	6605	Cước phí Internet	13.000.000		13.000.000	
20	6608	Sách báo tạp chí, thư viện	216.000		216.000	
21	6649	Gói hồ sơ giáo dục, QL giáo án và chữ ký số, Gia hạn quản lý văn bản và điều hành IOFICE	15.000.000		15.000.000	

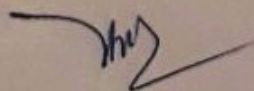


22	6649	Gia hạn PMQL chế độ chính sách, PMQL tuyển sinh, PMQLtuyển sinh, PMQL thiết bị, PMQL các khoản thu, PMQL thời khóa biểu, PM QL và tra soát hóa đơn điện tử đầu vào, PM quản trị và lưu trữ hồ sơ điện tử,		13.550.000	13.550.000	
23	6699	Hội nghị công nhân viên chức	2.000.000		2.000.000	
24	6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	30.000.000		30.000.000	
25	6702	Phụ cấp công tác phí	25.000.000		25.000.000	
26	6703	Tiền thuê phòng nghỉ	3.000.000		3.000.000	
27	6704	Khoản công tác phí	6.000.000		6.000.000	
28	6751	Thuê xe đưa đón HS tham gia các HT vòng huyện, tỉnh, thuê xe chở bàn ghế, đồ dùng	4.000.000		4.000.000	
29	6757	Thuê mướn tạp vụ, bảo vệ		78.000.000	78.000.000	
30	6799	Thuê nhân công chặt cây; thuê thợ hồ xây bồn hoa;thợ sửa chữa hệ thống ống nước; hệ thống đường điện; sửa motua....	5.000.000		5.000.000	
31	6907	Sửa chữa phòng học	4.000.000		4.000.000	
32	6912	Sửa chữa máy tính, máy in văn phòng và phòng máy HS	30.000.000		30.000.000	
33	6913	Sửa chữa máy photo copy	7.000.000		7.000.000	
34	6921	Sửa chữa đường điện, cấp thoát nước	6.000.000		6.000.000	
35	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		49.500.000	49.500.000	
36	7001	Chi mua văn phòng phẩm, vật tư CM	35.000.000		35.000.000	
37	7004	Đồng phục, trang phục GV thể dục	19.500.000		19.500.000	
38	7012	Mua sách báo, đồ dùng phục vụ CM	20.360.000		20.360.000	
39	7049	Chi tiền các hội thi vòng trường	40.000.000		40.000.000	
40	7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	7.000.000		7.000.000	
41	7799	Chi hỗ trợ đội dự phòng tiết kiệm; đạo cụ các hội thi...	49.070.400		49.070.400	
TỔNG CỘNG			10.363.861.886	237.850.000	10.601.711.886	

Số tiền bằng chữ : Mười tỷ sáu trăm lẻ một triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng.

Mỹ Chánh, ngày 03 tháng 01 năm 2024

Kế toán



Dương Thị Thu

Thủ Trưởng đơn vị



Trần Văn Phú